| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ H** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 153/2023/KDTM-PT
Ngày: 14-02-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

*Các Thẩm phán*: Ông Đào Quốc Thịnh

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Ngọc Thy Thơ – Thư ký Toà án nhân dân Thành phố H.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên toà:*** bà Trương Thị Hồng Hoa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14-02-2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2022/TLPT-KDTM ngày 23 tháng 11 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/KDTM-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân Quận QQ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty T
Địa chỉ: WYW NKKN, phường VTS, Quận E, Thành phố H.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: WYW NKKN, phường VTS, Quận E, Thành phố H; là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 14/2022/GUQ-T ngày 03-10-2022) (có mặt).

*Bị đơn:* Công ty PN
Địa chỉ: OR đường BTHi, Phường QT, Quận QQ, Thành phố H

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* ông Nguyễn Văn K; địa chỉ: số Y Đường số EQ, Phường 4, Quận R, Thành phố H; là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 2/2022/GUQ-PNR ngày 14-12-2022) (có mặt).

**Người kháng cáo:** Bị đơn Công ty T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong Đơn khởi kiện, Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, Bản tự khai, các Biên bản hoà giải và tại phiên toà, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 03-4-2018, Công ty T (sau đây gọi tắt là Công ty T) và Công ty PN (sau đây gọi tắt là Công ty PN) đã ký Hợp đồng nguyên tắc số 26/2018/HĐT-T và Phụ lục Hợp đồng số 01/2018/PLHĐ-T-PN để mua bán mặt hàng Tập vở học sinh (sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 26 và Phụ lục số 01).

Quá trình thực hiện Hợp đồng số 26, Công ty T đã bán cho Công ty PN rất nhiều lô hàng với tổng giá trị là 958.413.430 đồng, nhưng Công ty PN chỉ mới thanh toán cho Công ty T số tiền 278.800.000 đồng, Công ty PN vẫn còn nợ Công ty T số tiền mua hàng hoá là 649.613.430 đồng.

Mặc dù Công ty T đã gửi văn bản yêu cầu Công ty PN thanh toán dứt điểm số nợ đã quá hạn nêu trên nhưng Công ty PN vẫn không thanh toán.

Ngày 14-6-2019, Công ty T khởi kiện đến Toà án nhân dân Quận QQ yêu cầu Công ty PN thanh toán 734.874.864 đồng, trong đó nợ gốc là 649.613.430 đồng, lãi chậm thanh toán là 33.292.360 đồng, phạt vi phạm là 51.969.074 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 24-9-2020, Công ty PN đã thanh toán cho Công ty T 649.613.430 đồng. Số tiền này Công ty T đã trừ vào nợ gốc 569.442.809 đồng và nợ lãi 80.170.621 đồng.

Ngày 28-9-2020, Công ty T rút một phần yêu cầu khởi kiện; Yêu cầu Công ty PN thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật số tiền còn lại là 141.480.837 đồng, trong đó nợ gốc là 80.170.621 đồng, lãi chậm thanh toán là 9.341.142 đồng, phạt vi phạm là 51.969.074 đồng.

*Tại Bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên toà đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Công ty PN xác nhận có ký Hợp đồng số 26 và Phụ lục số 01 với Công ty T, tổng tiền hàng là 928.413.430 đồng.

Công ty PN đã chuyển khoản thanh toán cho Công ty T 278.800.000 đồng vào ngày 10-4-2019 và xác nhận còn nợ Công ty T nợ gốc 649.613.430 đồng.

Với thiện chí muốn hoà giải, kết thúc vụ kiện nên vào ngày 29-4-2020, Công ty PN đã chuyển trả cho Công ty T toàn bộ số nợ gốc 649.613.430 đồng, tuy nhiên Công ty T chỉ trừ sồ tiền đó vào một phần gốc và một phần lãi là không phù hợp. Hợp đồng 26 và Phụ lục 01 không có bất cứ thoả thuận nào liên quan đến việc ưu tiên khoản lãi phải thu trước hay khoản gốc được ưu tiên thu trước.

Đối với số tiền lãi chậm trả mà nguyên đơn yêu cầu, bị đơn không đồng ý vì sau khi kết thúc hợp đồng, bị đơn đã nhiều lần yêu cầu nguyên đơn ngồi lại cùng giải quyết lại các vấn đề tồn đọng về hàng tồn kho và công nợ nhưng nguyên đơn không phản hồi (Công văn số 57/2019/CV-T, số 51/2019/CV-PNR và số 117/2019/CV-PNR). Công nợ của năm 2018 được tiếp tục chuyển sang cho năm 2019, nên Hợp đồng tiếp tục được thực hiện, nguyên đơn không được đòi nợ trước hạn.

Công ty PN đã thanh toán toàn bộ tiền gốc xem như đã thanh toán và chấm dứt Hợp đồng, Công ty PN không cón nghĩa vụ gì với Công ty T nên đối với yêu cầu Công ty PN phải trả số tiền gốc 80.170.621 đồng, tiền lãi 8.297.659 đồng và tiền phạt 51.969.074 đồng, Công ty PN không đồng ý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/KDTM-ST ngày 28-9-2022 của Toà án nhân dân Quận QQ, đã quyết định:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua hàng 80.382.564 đồng, tiền lãi chậm thanh toán 6.8%/năm tạm tính từ ngày 25-9-2020 đến ngày 28-9-2022 là 11.083.863 đồng, tiền phạt vi phạm Hợp đồng 51.969.074 đồng.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu án phí 7.171.775 (bảy triệu, một trăm bảy mươi mốt nghìn, bảy trăm bảy mươi lăm) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp là 16.697.498 (mười sáu triệu, sáu trăm chín mươi bảy nghìn, bốn trăm chín mươi tám) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0010300 ngày 26-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận QQ, Thành phố H; Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền án phí còn lại là 9.525.723 (chín triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn, bảy trăm hai mươi ba) đồng.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền thi hành án của đương sự theo luật định.

Sau khi Toà án nhân dân Quận QQ xét xử, ngày 05-10-2022, Công ty T có Đơn kháng cáo đề ngày 03-10-2022 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét toàn diện vụ án, gây ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Nguyên đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, cụ thể: Công ty T rút yêu cầu Công ty PN thanh toán tiền mua hàng 80.382.564 đồng; tiền phạt vi phạm hợp đồng 51.969.074 đồng. Yêu cầu Công ty PN thanh toán tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 15-11-2018 đến ngày 21-9-2020, mức lãi suất chậm thanh toán theo lãi suất kỳ hạn 13 tháng của VietcomBank là 82.832.567 đồng.

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Đè nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên Bản án số 21/2022/KDTM-ST ngày 28-9-2022 của Toà án nhân dân Quận QQ.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 21/2022/KDTM-ST ngày 28-9-2022 của Toà án nhân dân Quận QQ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Tại phiên toà, các bên đương sự không tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút kháng cáo nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán số tiền phát sinh từ các Hợp đồng nguyên tắc số 26/2018/HĐT-T và Phụ lục Hợp đồng số 01/2018/PLHĐ-T-PN ngày 03-4-2018. Đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá; bị đơn có trụ sở tại Quận QQ, Thành phố H nên Toà án nhân dân Quận QQ xét xử sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt tại phiên toà ngày 28-9-2022, Đơn kháng cáo của nguyên đơn gửi đến Toà án cấp sơ thẩm ngày 05-10-2022 là còn trong thời hạn luật định, kháng cáo của nguyên đơn hợp lệ nên Toà án nhân dân Thành phố H giải quyết theo trình tự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] *Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn rút yêu cầu kháng cáo đối với khoản tiền nợ mua hàng 80.382.564 đồng, tiền phạt vi phạm hợp đồng 51.969.074 đồng, thay đổi nội dung kháng cáo yêu cầu Công ty PN thanh toán tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 15-11-2018 đến ngày 21-9-2020, mức lãi suất chậm thanh toán là lãi suất kỳ hạn 13 tháng của VietcomBank là 82.832.567 đồng.* Xét thấy, theo đơn khởi kiện, các biên bản hoà giải và tại phiên toà sơ thẩm, đơn kháng cáo nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 25-9-2020 đến ngày 25-9-2022 là 11.083.862 đồng; nguyên đơn xác nhận yêu cầu tính lãi từ ngày 15-11-2018 đến ngày 21-9-2020 nguyên đơn không có yêu cầu tại cấp sơ thẩm, do đó căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/KDTM-ST ngày 28-9-2022 của Toà án nhân dân Quận QQ, Thành phố H.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Như bản án sơ thẩm. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo

quy định tại Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/KDTM-ST ngày 28-9-2022 của Toà án nhân dân Quận QQ, Thành phố H.

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua hàng 80.382.564 (tám mươi triệu, ba trăm tám mươi hai ngàn, năm trăm sáu mươi bốn) đồng, tiền lãi chậm thanh toán 6.8%/năm tạm tính từ ngày 25-9-2020 đến ngày 28-9-2022 là 11.083.863 (mười một triệu, không trăm tám mươi ba ngàn, tám trăm sáu mươi ba) đồng, tiền phạt vi phạm hợp đồng là 51.969.074 (năm mươi mốt triệu, chín trăm sáu mươi chín ngàn, không trăm bảy mươi bốn) đồng.

2. Án phí kinh doanh thương mại

Án phí sơ thẩm:

Công ty T phải chịu án phí 7.171.775 (bảy triệu, một trăm bảy mươi mốt ngàn, bảy trăm bảy mươi lăm) đồng nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp là 16.697.498 (mười sáu triệu, sáu trăm chín mươi bảy ngàn, bốn trăm chín mươi tám) đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0010300 ngày 26-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận QQ, Thành phố H; hoàn lại cho nguyên đơn Công ty T 9.525.723 (chín triệu, năm trăm hai mươi lăm ngàn, bảy trăm hai mươi ba) đồng.

Án phí phúc thẩm: Công ty T phải chịu án phí phúc thẩm 2.000.000 (hai triệu) đồng, nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0020488 ngày 17-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận QQ, Thành phố H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận QQ;
- Cục THADS TP.HCM
- Chi cục THADS Quận QQ;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.




**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Quỳnh Trâm**